|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP&PTNT  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 37/BC7N-BVTV |  |

**BÁO CÁO  
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

*(Từ ngày 06 đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo Trung tâm Dự báo KT-TV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,1 0C; Cao nhất: 38,20C; Thấp nhất: 20,20C;

Độ ẩm: Trung bình: 89 %; Cao nhất: 97,4 %; Thấp nhất: 76,8%.

- Nhận xét: Trong kỳ do ảnh hưởng của cơn bão số 3 gây ra mưa to có nơi mưa rất to và gió giật mạnh khiến cây cối, hoa màu bị rụng quả, gãy đổ và bật gốc, nhiều diện tích cây trồng bị ngập úng gây thiệt hại nghiêm trọng. Cụ thể, tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại khoảng 169.308 ha (lúa: 144.553 ha, cây rau màu: 8.715 ha, cây ăn quả: 10.043 ha, cây lâm nghiệp: 5.410 ha, cây công nghiệp 587 ha);

- Dự báo trong tuần tới:

+ Trung du miền núi phía Bắc: Có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng; riêng khoảng ngày 15-16/9 khả năng có mưa rào và dông rải rác. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

+ Đồng Bằng Sông Hồng: Ngày 13 và ngày 15-16/9, khu vực có mưa rào và dông rải rác về chiều và tối; những ngày khác có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,7 0C; Cao nhất: 37,2 0C; Thấp nhất: 24,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 80,0 %; Cao nhất: 91,9 %; Thấp nhất: 65,5 %.

- Nhận xét: Đầu kỳ, do ảnh hưởng cơn bão số 3, trời âm u với mưa vừa đến mưa to, một số nơi có mưa rất to. Giữa và cuối kỳ, hoàn lưu bão gây mưa lớn, gây ra lũ trên các sông, suối nhỏ và sạt lở đất ở các sườn dốc;

- Dự báo trong tuần tới: Có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to và dông mạnh ở các tỉnh phía Nam khu vực (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế). Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung Bộ*

Nhiệt độ: Trung bình: 31,4 0C; Cao nhất: 37,8 0C; Thấp nhất: 27 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 71,0 %; Cao nhất: 81,1 %; Thấp nhất: 62,3 %.

*b) Tây Nguyên*

Nhiệt độ: Trung bình: 22,7 0C; Cao nhất: 31,5 0C; Thấp nhất: 17,1 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 91,0 %; Cao nhất: 96,4 %; Thấp nhất: 83,1 %.

- Nhận xét: Trong kỳ qua, do ảnh hưởng của cơn bão số 3, thời tiết khu vực Đồng bằng và Tây Nguyên thay đổi, ngày nắng gián đoạn, chiều tối và đêm có mưa rào, rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa vừa đến mưa to, ảnh hưởng đến tiến độ thu hoạch lúa Hè Thu. Tuy nhiên, nhìn chung, lúa Hè Thu, lúa Mùa, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng phát triển bình thường.

- Dự báo trong tuần tới:

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to và dông mạnh. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

+ Tây Nguyên: Có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to đến rất to và dông (tập trung vào chiều và đêm). Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.4. Các tỉnh Nam Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,2 0C; Cao nhất: 35,2 0C; Thấp nhất: 24 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 84,7 %; Cao nhất: 96,5 %; Thấp nhất: 78,5 %.

- Nhận xét: Trong kỳ qua, khu vực phổ biến có mưa rào và dông vài nơi; riêng chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to.

- Dự báo trong tuần tới: Gió mùa Tây Nam hoạt động với cường độ mạnh. Do đó trên khu vực có mưa vừa, mưa to và dông, cục bộ có mưa rất to (mưa tập trung về chiều và tối). Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

***a) Cây lúa:***

Lúa Mùa 2024: Diện tích đã gieo, cấy được **833.542 ha/ 832.572 ha**, đạt 101 % so với kế hoạch*.* Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Chín sáp - Thu hoạch | 210.829 |
| Trà chính vụ | Trỗ - Ngậm sữa | 498.429 |
| Trà muộn | Đòng - Trỗ | 124.284 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **833.542/ 832.572** |

***b) Cây trồng khác:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô Hè thu | Phát triển bắp- Thu hoạch | 186.106 |
| - Cây lạc | Phát triển củ | 3.122 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả | 40.923 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây xoài | Chăm sóc sau thu hoạch | 19.521 |
| + Cây chuối | Phát triển thân lá – Thu hoạch | 43.349 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc sau thu hoạch | 37.750 |
| + Cây vải | Phát triển lộc | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp – Thu hái | 85.704 |
| + Cây sắn | Phát triển thân lá – củ | 68.172 |
| + Cây dong | Phát triển thân, củ | 899 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả – Thu hoạch | 20.468 |
| + Cây mía | Vươn lóng | 5.655 |
| - Cây lâm nghiệp |  |  |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 128.237 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 34.825 |
| + Cây bạch đàn | KTCB – KD | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

***a, Cây lúa:***

Lúa Hè Thu, Mùa 2024: Diện tích đã gieo, cấy **294.424 ha/ 302.672 ha**, đạt 97,28% so với kế hoạch. Đến ngày 12/9/2024, đã thu hoạch được **193.161 ha**, chiếm 65,6% diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch xong | 0 | 130.675 |
| Trà chính vụ | Chín - Thu hoạch | 88.907 | 62.487 |
| Trà muộn | Làm đòng – Trỗ- Chín sữa | 12.356 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **294.424/ 302.672** | |

***b*, *Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Cây ngô | Cây con-7 lá; Phun râu- PT bắp | 24.153 |
| Cây lạc | Ra hoa - Đâm tia - Thu hoạch | 2.106 |
| Cây rau đậu | PT thân lá – Thu hoạch | 29.804 |
| Khoai lang | PT củ - Thu hoạch | 2.104 |
| Cây sắn | PT củ - Thu hoạch | 49.459 |
| Cây mía | Vươn lóng | 33.949 |
| Cây cam, chanh | KTCB- PT quả - thu hoạch | 36.828 |
| Cây cà phê | PT quả | 3.716 |
| Cây cao su | KTCB - KD | 69.801 |
| Cây hồ tiêu | PT quả - Thu hoạch | 3.405 |
| Cây chè | KTCB - KD | 14.731 |
| Cây thông | KTCB-KD | 94.627 |
| Keo, bạch đàn | KTCB – KD | 393.142 |
| Cây luồng | KTCB – KD | 82.333 |

***c)*** ***Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng do thiên tai***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng  bị ảnh hưởng** | **Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục (ha)** | | | | |
| **Giảm NS 30-70%** | **Mất trắng (>70%)** | **Đã gieo  cấy lại** | **Đã trồng cây khác** | **Để đất trống** |
| Lúa | 2.444 |  |  |  |  |
| Ngô, Rau màu | 301,7 |  |  |  |  |
| Mía | 847,1 |  |  |  |  |
| Sắn | 112,8 |  |  |  |  |
| Cây ăn quả | 3,4 |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **3.709** |  |  |  |  |

***2.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

***a) Cây lúa***

- LúaHè Thu 2024: Diện tích đã gieo cấy **343.834 ha/ 356.589 ha**,đạt 96,4 % so với kế hoạch. Đến ngày 12/9/2024, đã thu hoạch **210.547** **ha**, chiếm 61,23 % diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại  (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng Bằng | Sớm | Thu hoạch xong | 0 | 79.632 |
| Chính vụ | Thu hoạch xong | 0 | 104.622 |
| Muộn | Ngậm sữa - Thu hoạch | 19.078 | 15.027 |
| Tây Nguyên | Sớm | Chắc xanh - Thu hoạch | 26.158 | 11.266 |
| Chính vụ | Ngậm sữa - Chắc xanh | 57.091 |  |
| Muộn | Đòng trỗ - Ngậm sữa | 30.961 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | | **343.834/ 356.589** | |

- Lúa vụ Mùa 2024: Diện tích đã gieo cấy **46.392 ha**; tập trung chủ yếu ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng,… Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Đồng Bằng | Sớm | Đẻ nhánh - Đòng trỗ | 11.018 |
| Chính vụ | Sạ - Mạ | 15.351 |
| Tây Nguyên | Sớm | Đẻ nhánh - Đòng trỗ | 18.787 |
| Chính vụ | Sạ - Mạ | 1.236 |
| **Tổng cộng** | | | **46.392** |

***b) Cây trồng khác***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Ngô Hè Thu 2024 | | Thâm râu - Thu hoạch | 131.958 |
| Ngô Mùa 2024 | | Cây con - PTTL | 13.285 |
| Đậu Hè Thu 2024 | | Chắc quả - Thu hoạch | 46.385 |
| Đậu Mùa 2024 | | Cây con - Phân cành | 19.755 |
| Lạc Hè Thu 2024 | | Chắc quả - Thu hoạch | 11.968 |
| Lạc Mùa 2024 | | Cây con - Phân cành | 1.304 |
| - Cây rau | | Nhiều giai đoạn | 56.997 |
| - Sắn | |  | ***237.924*** |
| Đồng Bằng | ĐX 2023 - 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 49.218 |
| Hè Thu 2024 | PTTL - Nuôi củ | 31.490 |
| Tây Nguyên | ĐX 2023 - 2024 | Nuôi củ | 12.531 |
| Hè Thu 2024 | PTTL - Nuôi củ | 144.686 |
| - Cây ăn quả: | |  |  |
| + Thanh long | | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng | | Thu hoạch - Chăm sóc sau TH | 76.916 |
| + Nho | | Chăm sóc - Thu hoạch | 980 |
| + Táo | | Chăm sóc - Thu hoạch | 1.108 |
| + Dừa | | Nhiều giai đoạn | 13.561 |
| + Cây có múi | | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp: | |  |  |
| + Chè | | Chăm sóc - Thu hoạch | 10.909 |
| + Mía | | Nhiều giai đoạn | 102.571 |
| + Cà phê | | Nuôi quả - Chắc quả | 669.235 |
| + Tiêu | | Quả non - Nuôi quả | 74.941 |
| + Điều | | Chăm sóc | 135.700 |
| + Cao su | | Khai thác mủ | 276.149 |

***2.4. Các tỉnh Nam Bộ***

***a) Cây lúa***

- Lúa Hè Thu 2024: Tổng diện tích đã gieo sạ **1.556.064 ha/ 1.540.011 ha**, đạt 101% so với kế hoạch; đã thu hoạch **1.222.566 ha** (chiếm 78,6 % diện tích). Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại**  **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 326 |  |
| Đẻ nhánh | 718 |  |
| Đòng - trỗ | 49.144 |  |
| Chín | 283.310 |  |
| Thu hoạch |  | 1.222.566 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **1.556.064/ 1.540.011** |

- Lúa Thu Đông 2024: Tổng diện tích đã gieo sạ **637.361 ha/ 773.821 ha**, đạt 82,3 % so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại**  **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 118.669 |  |
| Đẻ nhánh | 139.404 |  |
| Đòng-trỗ | 113.619 |  |
| Chín | 216.722 |  |
| Thu hoạch |  | 48.947 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **637.361/ 773.821** |

***b) Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| **Cây rau:** | Nhiều giai đoạn | 67.611 |
| **Cây ăn quả:** |  |  |
| Cây Dừa | Nhiều giai đoạn | 175.045 |
| Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 130.688 |
| Cây Xoài | Sinh trưởng | 61.382 |
| Cây Chuối | Nhiều giai đoạn | 57.324 |
| Cây Mít | PTTL, Nuôi quả, Thu hoạch | 59.494 |
| Cây Sầu Riêng | Sinh trưởng, TH - Chăm sóc | 64.740 |
| Cây Nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.489 |
| Cây Thanh Long | Chăm sóc, PTTL | 19.718 |
| Cây Chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.602 |
| **Cây công nghiệp:** |  |  |
| Cây Cao su | Chăm sóc, PTTL | 518.120 |
| Cây Điều | Sau thu hoạch | 185.227 |
| Cây Sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, thu hoạch | 53.995 |
| Cây Tiêu | Ra hoa – Nuôi trái | 34.929 |
| Cây Cà phê | Nuôi trái, thu hoạch | 23.288 |
| Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 24.176 |
| Cây Mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 20.177 |

***c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vụ** | **Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha)** | | | | **Nguyên nhân** | |
| **Giảm NS**  **10-30%** | **Giảm NS  30-70%** | **Mất trắng (>70%)** | **Đã gieo  cấy, dặm lại (ha)** | **Khô hạn, nhiễm mặn (ha)** | **Ngập úng, đổ ngã (ha)** |
| Hè Thu 2024 | 1.588,8 | 5.013,8 | 5.902,2 | 603,8 | 1.098,5 | 10.789,6 |
| Thu Đông 2024 | 1.465 | 300,4 | 73,6 | 1.731,4 |  | 1.839 |
| **Tổng** | **3.053,8** | **5.314,2** | **5.975,8** | **2.703,5** | **1.098,5** | **12.628,6** |

\* Trong vụ Hè Thu 2024:

- Đã có 1.098,5 ha lúa bị nhiễm mặn, khô hạn *(trong đó mức độ thiệt hại 30-70% là 474,8 ha; >70% là 623,7 ha; nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 359,1 ha)* tại tỉnh Kiên Giang.

- Do ảnh hưởng mưa bão nên lúa bị đổ ngã với diện tích 10.630,8 ha (*trong đó mức độ thiệt hại 10-30% là 5.001 ha; 30-70% là 5.337,9 ha; >70% là 291,9 ha*; *nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 142,4 ha)* tại tỉnh Kiên Giang (9.060,8 ha), Vĩnh Long (1.420 ha) và Sóc Trăng (141 ha).

- Tình hình mưa bão gây ngập nước đến cây lúa với diện tích 158,8 ha tại tỉnh Kiên Giang (*trong đó mức độ thiệt hại 10-30% là 12,8 ha; 30-70% là 89,5 ha; >70% là 56,5 ha; nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 102,3 ha*)

\* Trong vụ Thu Đông 2024:

- Thời tiết mưa lớn kéo dài gây đổ ngã và ngập úng với diện tích 1.839 ha, diện tích lúa bị chết giống tại tỉnh Vĩnh Long (1.555 ha) và Kiên Giang (249 ha), đổ ngã tại Kiên Giang (35 ha); *trong đó mức độ thiệt hại 10-30% là 1.465 ha; 30-70% là 300,4 ha; >70% là 73,6 ha; nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 1.731,4 ha*.

- Tình hình mưa gió ngập nước ảnh hưởng đến cây lúa: 750,3 ha lúa bị ảnh hưởng do ngập nước tại Bà Rịa-Vũng Tàu (*trong đó mức độ ảnh hưởng 30-70% là 710 ha; >70% là 40,3 ha*) hiện nay ruộng lúa đã thoát nước, không còn ngập nước.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**2.1. Cây Lúa**

***- Bệnh đạo ôn:***

***+ Bệnh đạo ôn lá***: Diện tích nhiễm 5.569 ha (giảm 807 ha so với kỳ trước, tăng 403 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.163 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk,An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Long An…;

**+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*:** Diện tích nhiễm 4.689 ha (giảm 177 ha so với kỳ trước, tăng 1.627 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1 ha, phòng trừ trong kỳ 6.005 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Gia Lai, Lâm Đồng, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Hậu Giang…;

***- Sâu cuốn lá nhỏ*:** Diện tích nhiễm 28.682 ha (giảm 42.201 ha so với kỳ trước, giảm 6.591 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 1.816 ha, phòng trừ trong kỳ 119.655 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Gia Lai, Đắk Lắk, An Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu…;

***- Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 3.166 ha (giảm 24.157 ha so với kỳ trước, giảm 11.462 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 42 ha, phòng trừ trong kỳ 27.328 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai, Kiên Giang, Long An …;

***- Bọ phấn (rầy phấn trắng):*** Diện tích nhiễm 171 ha (giảm 587 ha so với tuần trước), phòng trừ trong kỳ 35 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Phước,…

***- Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 1.383 ha (giảm 48 ha so với kỳ trước, tăng 707 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 65 ha; phòng trừ trong kỳ 9.663 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Yên Bái, Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An, Khánh Hoà, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk , Sóc Trăng, Đồng Tháp, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An, …;

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 5.977 ha (giảm 1.435 ha so với kỳ trước, giảm 1.110 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 205 ha; phòng trừ trong kỳ 2.783 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Bắc Giang, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Kiên Giang, Đồng Nai, Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Long An, Cà Mau…;

- ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 10.714 ha (tăng 1.465 ha so với kỳ trước, tăng 3.527 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 79 ha; phòng trừ trong kỳ 7.872 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Thanh Hoá, Nghệ An, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tiền Giang, Cà mau…;

- ***Bọ trĩ***: Diện tích nhiễm 301 ha (giảm 08 ha so với kỳ trước, giảm 279 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 216 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***- Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 2.237 ha (tăng 255 ha so với kỳ trước, giảm 532 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.290 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Thuận, Gia Lia, Khánh Hoà, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang, Đồng Tháp, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương …;

***- Chuột:*** Diện tích nhiễm 6.622 ha (giảm 2.305 ha so với kỳ trước, giảm 7.195 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 242 ha; phòng trừ trong kỳ 575 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Khánh Hoà, Gia lai, Đắk Lắk, An Giang, Hậu Giang, Cà Mau, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh,…;

**2.2. Cây ngô**

***Sâu keo mùa thu:*** Diện tích nhiễm 204 ha (giảm 579 ha so với kỳ trước, giảm 655 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 04 ha, phòng trừ trong kỳ 639 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Thuận, Đồng Nai, …;

**2.3. Cây nhãn**

***Bệnh chổi rồng:***Diện tích nhiễm 267 ha (giảm 42 ha so với kỳ trước, giảm 312 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 14 ha; phòng trừ trong kỳ 87 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Tây Ninh, Hậu Giang.

**2.4. Cây thanh long**

***Bệnh đốm nâu***: Diện tích nhiễm 4.168 ha (tăng 1.86 ha so với kỳ trước, giảm 950 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 5.006 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu;

**2.5. Cây dừa**

***- Bọ cánh cứng***: Diện tích nhiễm 5.588 ha (giảm 41 ha so với kỳ trước, giảm 915 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 34 ha; phòng trừ trong kỳ 264 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu, hậu Giang, Trà Vinh, Cà Mau, …;

***- Sâu đầu đen*** (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 1.088 ha (tăng 56 ha so với kỳ trước, tăng 719 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 262 ha; phòng trừ trong kỳ 2.394 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Trà Vinh,Tiền Giang, …;

**2.6. Cây ăn quả có múi**

**- *Bệnh vàng lá thối rễ:*** Diện tích nhiễm 768 ha (giảm 15 ha so với kỳ trước, giảm 51 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 17 ha; phòng trừ trong kỳ 333 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Bắc Giang, Hòa Bình, Nghệ An, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

***- Bệnh Greening***: Diện tích nhiễm 587 ha (giảm 6 ha so với kỳ trước, giảm 19 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 35 ha, mất trắng 05 ha tại tỉnh Nghệ An; phòng trừ trong kỳ 58 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh. Đồng Nai, Đồng Tháp, …;

**2.7. Cây sầu riêng**

***Bệnh xì mủ***: Diện tích nhiễm 4.359 ha (tăng 53 ha so với kỳ trước, tăng 2.484 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 418 ha; phòng trừ trong kỳ 138 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hòa, Đồng Nai, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Phước, Sóc Trăng, …;

**2.8. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng***: Diện tích nhiễm 1.964 ha (tăng 203 ha so với kỳ trước, giảm 439 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 217 ha; phòng trừ trong kỳ 174 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bình Dương…;

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 1.815 ha (tăng 151 ha so với kỳ trước, giảm 86 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 100 ha; phòng trừ trong kỳ 302 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương,…;

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 393 ha (giảm 2 ha so với kỳ trước, tăng 86 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 04 ha; phòng trừ trong kỳ 2 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai.

**2.9. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành***:Diện tích nhiễm 7.486 ha (tăng 107 ha so với kỳ trước, tăng 747 ha so CKNT); trong đó nhiễm nặng 70 ha; phòng trừ trong kỳ 5.404 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 5.744 ha (giảm 79 ha so với kỳ trước, giảm 1.912 ha so CKNT), trong đó nhiễm nặng 01 ha; phòng trừ trong kỳ 11.185 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, …;

**2.10. Cây chè**

***Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.371 ha (giảm 65 ha so với kỳ trước, tăng 2.831 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 3.735 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn La, Lâm Đồng, Gia lai…;

**2.11. Cây sắn (khoai mì)**

***Bệnh khảm lá virus:*** Diện tích nhiễm 51.190 ha (giảm 853 ha với kỳ trước, giảm 9.587 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 12.921 ha, phòng trừ môi giới truyền bệnh 1.876 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước….;

**2.12. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.049 ha (giảm 11 ha so với kỳ trước, giảm 673 ha so với CKNT), Nhiễm nặng 2 ha, phòng trừ trong kỳ 1.773 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, …;

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 4.066 ha (tăng 147 ha so với kỳ trước, giảm 1.424 ha so với CKNT), nhiễm nặng 30 ha, phòng trừ trong kỳ 1.613 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Khánh Hoà, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu.

**2.13 . Cây tre, luồng, vầu**

***Châu chấu tre:*** Diện tích nhiễm 10 ha (thấp hơn 4 ha so với kỳ trước, thấp hơn 221 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại tỉnh Quảng Ninh.

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây Lúa***

1.1.1. Các tỉnh Bắc Bộ:

*- Rầy nâu – rầy lưng trắng:* rầy trưởng thành tiếp tục đẻ trứng, rầy cám lứa 7 nở rộ tập trung sau ngày 20/9, gây hại chủ yếu trên các giống nhiễm, hại nặng cục bộ trên các chân ruộng trũng, ruộng bón nhiều phân đạm.

***-*** *Sâu cuốn lá nhỏ:* tiếp tục gây hại trên các trà lúa mùa trung và mùa muộn, nhất là trên các diện tích lúa còn non, xanh tốt, ven làng, ven hàng cây.

***-*** *Sâu đục thân 2 chấm:* trưởng thành tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng. Sâu non gây bông bạc trà lúa trỗ sau ngày 15/9, nhất là những nơi có nguồn sâu cao.

*- Bệnh bạc lá và đốm sọc vi khuẩn:* bệnh hại tăng sau mưa bão, hại nặng các ruộng bón nặng đạm, ruộng trũng hẩu và vùng có nguồn bệnh từ vụ trước, trên các giống nhiễm.

Ngoài ra, *Chuột, bệnh khô vằn,*.... hại tăng; *lúa cỏ* tiếp tục hại.

1.1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ:

*- Chuột*: tiếp tục gây hại trên trà lúa Mùa muộn, hại nặng trên các chân ruộng gần làng, gò bãi tại các tỉnh trong vùng.

*- Bệnh đen lép hạt*: phát sinh gây hại trên lúa trà lúa mùa muộn, hại nặng cục bộ trên những chân ruộng gieo cấy dày, bón thừa đạm gặp điều kiện mưa và dông.

*- Bệnh bạc lá:* phát sinh gây hại tăng trên lúa Mùa muộn giai đoạn Đòng, trỗ - chín sữa tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An; hại nặng cục bộ trên các chân ruộng bón phân thiếu cân đối, thừa đạm.

Ngoài ra, *rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh khô vằn,...:* tiếp tục gây hại phổ biến nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên lúa Mùa muộn tại Thanh Hóa, Nghệ An.

1.1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

- *Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đen lép thối hạt*...tiếp tục gây hại lúa Hè Thu giai đoạn ngậm sữa- chắc xanh- chín, mức độ hại phổ biến nhẹ - trung bình;

*- Bệnh đạo ôn lá* tiếp tục phát sinh gây hại lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng ở Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên (Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk lắk). *Bệnh đạo ôn cổ bông* tiếp tục gây hại cục bộ trên lúa giai đoạn trỗ - chín tại các tỉnh Tây Nguyên;

*- Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng,*.. tiếp tục gây hại trên lúa Mùa trà sớm giai đoạn đứng cái - đòng trỗ.

*Ngoài ra, cần chú ý: Chuột* gây hại lúa giai đoạn đòng trỗ- chín,  *Ốc bươu vàng* gây hại rải rác trên lúa Mùa giai đoạn sạ - mạ ở các vùng trũng thấp.

1.1.4. Các tỉnh Nam Bộ

*- Rầy nâu:* trên đồng phổ biến rầy tuổi 2-4 và gây hại phổ biến ở mức nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng trên trà lúa giai đoạn đòng- trỗ. Các tỉnh tiếp tục khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, nắm bắt sát tình hình rầy gây hại trên đồng để quản lý tốt đối tượng này.

- Hiện nay thời tiết thường có mưa nhiều vào chiều tối và đêm, ẩm độ không khí cao tạo điều kiện thuận lợi cho *bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt,* .. phát triển gia tăng diện tích hại trong tuần tới. Khuyến cáo thăm đồng thường xuyên để phát hiện bệnh sớm và có biện pháp quản lý kịp thời, hiệu quả.

Ngoài ra, cần chú ý: *Ốc bươu vàng* gây hại trên trà lúa Thu Đông- Mùa mới xuống giống <15 ngày sau sạ (NSS.). *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng trỗ - chín, áp dụng các biện pháp diệt chuột trên diện rộng, mang tính cộng đồng để tăng hiệu quả phòng, trừ.

***1.2. Trên cây trồng khác***

- **Trên cây ngô**: *Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, chuột...* tiếp tục phát sinh gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, hại nặng cục bộ.

**- Trên cây rau, màu**: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, bọ nhảy, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, bệnh lở cổ rễ, bệnh sương mai ...*  tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự; *bệnh mốc sương, héo xanh, bệnh héo vàng...* tiếp tục hại trên cây họ bầu bí; *bệnh lở cổ rễ, chết ẻo, thối gốc*...phát sinh gây hại tăng trên rau giai đoạn cây con.

**- Cây ăn quả có múi**: *Bệnh vàng lá thối rễ*, *bệnh Greening, bệnh thán thư, ruồi đục quả,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây nhãn, vải:** *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục phát sinh gây hại tại các tỉnh phía Nam; *bọ xít nâu, bệnh thán thư, sâu đục quả,..* tiếp tục hại.

**- Cây chè**: *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh phồng lá*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây sắn**: *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như *bọ phấn trắng, rệp sáp*... .

**- Cây cà phê:** *Bọ xít muỗi* tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên cà phê ở các tỉnh miền Trung*;* *rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt, mọt đục cành,...* tiếp tục hại.

**- Cây hồ tiêu**: *Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp các loại,*... tiếp tục hại.

- **Cây điều**: *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân/cành ....* tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trong điều kiện thời tiết thuận lợi hiện nay, hại nặng cục bộ.

- **Cây thanh long***:* *Bệnh đốm nâu, bệnh thán thư, rệp sáp,*...tiếp tục gây hại.

- **Cây dừa***: Bọ cánh cứng* tiếp tục phát sinh và gây hại tại các vùng trồng dừa; *sâu đầu đen* tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang, Sóc Trăng,...

**- Cây sầu riêng:** *Bệnh xì mủ* có khả năng gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt.

***-* Cây lâm nghiệp:***Châu chấu tre* trưởng thành tiếp tục gây hại, tập trung tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm thuôc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên,...; *Sâu róm thông bệnh rơm lá thông, bệnh chết héo cây keo,...* tiếp tục gây hại cục bộ.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ: thực hiện tốt công văn số 1973/BVTV-TV ngày 06/9/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống sinh vật gây hại lúa sau bão và công văn số 2213/BVTV-TV ngày 08/8/2022 của Cục bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn biện pháp kỹ thuật quản lý lúa cỏ (lúa ma).

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Trung Bộ: tiếp tục điều tra, theo dõi chặt chẽ một số đối tượng hại chính trên lúa Hè Thu, Mùa cuối vụ như: rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt ... để có biện pháp phòng trừ kịp thời và hiệu quả.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến sinh vật gây hại chính trên lúa Hè Thu, Mùa 2024 và tiến độ xuống giống lúa Thu Đông - Mùa 2024 để chủ động các biện pháp phòng chống. Tiếp tục theo dõi diễn biến rầy vào đèn, xác định cao điểm rầy vào đèn chỉ đạo xuống giống vụ Thu Đông 2024 “né rầy”.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục nắm chắc diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính như: *bệnh chết nhanh, chết chậm* và *tuyến trùng rễ* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi và bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại Thanh Long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống *sâu keo mùa thu hại ngô*. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV (để b/c);  - Phòng KH-TH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**      **Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN (ha)** | | | | **DTN so với** | | **Phòng trừ** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** | | | | | | | | | |
| 1 | Đạo ôn lá | 5.569 | 0 | 0 | 5.569 | -807 | 403 | 1.163 | B.Thuận, G.Lai, L.Đồng, Đ.Lắk, AG, VL, HG, KG, BL, LA |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 4.688 | 1 | 0 | 4.689 | -177 | 1.627 | 6.005 | Lai ChâuG.Lai, L.Đồng, KG, ST, LA, TG, TV, HG |
| 3 | Rầy hại lúa | 3.124 | 42 | 0 | 3.166 | -24.157 | -11.462 | 27.328 | NĐ, TB, NB, TH, NA, G.Lai, Đ.Lắk, P.Yên, TG, ST, LA, ĐT, KG, ĐN |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 1.318 | 65 | 0 | 1.383 | -48 | 707 | 9.663 | YB, HP, VP, TH, NA, P.Yên, G.Lai, K.Hòa, Đ.Lắk, ST, ĐT, ST, BL, HG, VT |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 26.866 | 1.816 | 0 | 28.682 | -42.201 | -6.591 | 119.655 | NĐ, TB, NB, TH, G.Lai, Đ.Lắk, AG, VL, HG, TN, ST, BL |
| 6 | Bệnh bạc lá | 5.772 | 205 | 0 | 5.977 | -1.435 | -1.110 | 2.783 | ĐB, BG, HB, TH, NA, KG, ST, HG, VL, LA, CM |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 10.634 | 79 | 0 | 10.714 | 1.465 | 3.527 | 7.872 | Lai Châu, TH, NA, K.Hòa, L.Đồng, Đ.Lắk, KG, ĐT, ST, HG, TG, CM |
| 8 | Chuột hại lúa | 6.380 | 242 | 0 | 6.622 | -2.305 | -7.195 | 575 | TB, HN, BN, TH, NA, K.Hòa, G.Lai, Đ.Lăk, AG, HG, CM, ĐN, HCM, VL |
| 9 | Ốc bươu vàng | 2.237 | 0 | 0 | 2.237 | 255 | -532 | 1.290 | B.Thuận, G.Lai, K.Hòa, ĐN, TN, AG, ĐT, HCM, BD |
| 10 | Bệnh khô vằn | 62.842 | 2.346 | 0 | 65.188 | 4.099 | 7.892 | 111.848 | Hà Nam, NĐ, BG, TH, NA, G.Lai, L.Đồng, VL, HG, ST, KG, TN, BP |
| 11 | Bọ trĩ | 301 | 0 | 0 | 301 | -8 | -279 | 216 | TN, HCM, VT |
| **II** | **Cây trồng khác** | | | | | | | | | |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 253 | 14 | 0 | 267 | -42 | -312 | 87 | BP, VL, ST, TV, TN, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 751 | 17 | 0 | 768 | -15 | -51 | 333 | TQ, YB, HB, NA, HG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 547 | 35 | 5 | 587 | -6 | -19 | 58 | NA, VL, HG, ST, TV, ĐN, ĐT |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 4.168 | 0 | 0 | 4.168 | 1.086 | -950 | 5.006 | B.Thuận, LA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.555 | 34 | 0 | 5.588 | -41 | -915 | 264 | BT, ST, TV, CM, KG, TG, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa | 826 | 262 | 0 | 1.088 | 56 | 719 | 2.394 | BT, TG, TV, VL, ST |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 3.942 | 418 | 0 | 4.359 | 53 | 2.484 | 138 | L.Đồng, K.Hòa, Đ.Lắk, ĐN, VL, TG, BP, HG, ST |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.747 | 217 | 0 | 1.964 | 203 | -439 | 174 | QT, G.Lai, ĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 1.715 | 100 | 0 | 1.815 | 151 | -86 | 302 | QB, QT, B.Thuận, G.Lai, Đ.Lắk, Đ.Nông, L.Đồng, ĐN, BP, BRVT, BD, KG |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 389 | 4 | 0 | 393 | -2 | 86 | 2 | QT, G.Lai, BP, ĐN, KG |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 7.416 | 70 | 0 | 7.486 | 107 | 747 | 5.404 | Điện Biên, QT, G.Lai, Đ.Lắk, L.Đồng, ĐN, BP |
| 12 | Gỉ sắt cà phê | 5.743 | 1 | 0 | 5.744 | -79 | -1.912 | 11.185 | Điện Biên, G.Lai, Đ.Lắk, L.Đồng, BP, ĐN |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 4.047 | 2 | 0 | 4.049 | -11 | -673 | 1.773 | L.Đồng, G.Lai, B.Thuận, Đ.Lắk, BP, ĐN |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 4.036 | 30 | 0 | 4.066 | 147 | -1.424 | 1.613 | L.Đồng, G.Lai, B.Thuận, Đ.Lắk, BP, ĐN, BRVT |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 4.371 | 0 | 0 | 4.371 | -65 | 2.831 | 3.735 | TN, PT, SL, L.Đồng, G.Lai |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 38.269 | 12.921 | 0 | 51.190 | -853 | -9.587 | 1.876 | Hòa Bình, TH, NA, QB, QT, Huế, P.Yên, Q.Ngãi, Q.Nam, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, Đ.Lắk, TN, ĐN, BD, BRVT, LA, BP |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 200 | 4 | 0 | 204 | -579 | -655 | 639 | SL, ĐB, PT, NA, HT, L.Đồng, B.Thuận, P.Yên, ĐN |